

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HKII MÔN SINH HỌC 10
NĂM HỌC 2023-2024**

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Loài nào sau đây **không** phải vi sinh vật?

- A. Nấm rơm.
- B. Tảo đơn bào.
- C. Vi khuẩn lam.
- D. Trùng biến hình.

Câu 2: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vi sinh vật?

- A. Có kích thước nhỏ.
- B. Phần lớn có cấu tạo đơn bào.
- C. Hầu hết có khả năng tự dưỡng.
- D. Sinh trưởng nhanh.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây **không** phải của vi sinh vật?

- A. Kích thước hiển vi.
- B. Cơ thể đa bào.
- C. Sinh trưởng, sinh sản rất nhanh.
- D. Phân bố rộng.

Câu 4: Để theo dõi các quá trình tổng hợp sinh học bên trong tế bào ở mức độ phân tử cần sử dụng kĩ thuật nghiên cứu vi sinh vật nào sau đây?

- A. Kĩ thuật cố định.
- B. Kĩ thuật nhuộm màu.
- C. Kĩ thuật siêu li tâm.
- D. Kĩ thuật đồng vị phóng xạ.

Câu 5: Có thể bảo quản thức ăn tương đối lâu trong tủ lạnh vì nhiệt độ thấp có tác dụng

- A. thanh trùng vi sinh vật.
- B. kìm hãm sự sinh trưởng của vi sinh vật.
- C. tiêu diệt được vi sinh vật.
- D. làm cho thức ăn ngon hơn.

Câu 6: Vì sao vi sinh vật sinh trưởng, phát triển nhanh?

- A. Do có tốc độ sinh sản nhanh.
- B. Do hấp thụ chậm nhưng chuyển hoá nhanh.
- C. Do quá trình hấp thụ, chuyển hoá và sinh tổng hợp diễn ra nhanh.
- D. Do các quá trình hấp thụ, chuyển hoá chậm nhưng sinh tổng hợp diễn ra nhanh.

Câu 7: Các đại phân tử lớn không thể đi qua màng sinh chất của vi sinh vật. Để phân giải được các chất đó, vi sinh vật sẽ thực hiện cơ chế nào?

- A. Hình thành chân giả, lấy các chất đó vào cơ thể.
- B. Phân giải ngoại bào.
- C. Sử dụng các kênh protein đặc biệt trên màng tế bào.
- D. Ẩm bào.

Câu 8: Để tổng hợp tinh bột, vi khuẩn và tảo cần hợp chất mở đầu là gì?

- A. Glucose.
- B. Cellulose.
- C. ADP - glucose.
- D. ATP - glucose.

Câu 9: Bằng cách nào vi sinh vật có thể hấp thụ được các chất có kích thước phân tử lớn như protein, tinh bột, lipid, cellulose?

- A. Chúng được vận chuyển qua kênh trên màng.
- B. Chúng khuếch tán trực tiếp qua màng sinh chất.
- C. Các phân tử nhỏ đi vào tế bào theo cơ chế nhập bào.
- D. Chúng tiết ra các enzyme tương ứng (protease, amylase, lipase và cellulase).

Câu 10: Cho các ứng dụng sau:

- (1) Sản xuất sinh khối (protein đơn bào).
- (2) Làm rượu, tương cà, dưa muối.
- (3) Sản xuất chế phẩm sinh học (chất xúc tác, gôm,...).
- (4) Sản xuất acid amin.

Những ứng dụng nào từ quá trình tổng hợp của vi sinh vật?

- A. (1); (3); (4).
- B. (2); (3); (4).
- C. (1); (2); (4).
- D. (1); (2); (3).

Câu 11: Sinh trưởng của vi sinh vật là

- A. sự tăng số lượng tế bào và kích thước của quần thể.
- B. sự tăng số lượng và kích thước tế bào.
- C. sự tăng khối lượng và kích thước tế bào.
- D. sự tăng số lượng và khối lượng tế bào.

Câu 12: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, chất dinh dưỡng cạn dần, sản phẩm chuyển hóa tăng lên đã dẫn đến hiện tượng

- A. tăng tốc độ sinh trưởng của vi sinh vật.

B. số vi sinh vật sinh ra bằng số sinh vật chết đi.

C. quần thể vi sinh vật bị suy vong.

D. thu được số lượng vi sinh vật tối đa.

Câu 13: Một loài vi sinh vật trong điều kiện nuôi cấy thích hợp cứ 30 phút lại phân đôi một lần. Số tế bào tạo ra từ 10 tế bào vi sinh vật nói trên sau 2 giờ nuôi cấy là

A. 8.

B. 160.

C. 32.

D. 64.

Câu 14: Trong thời gian nuôi cấy 200 phút, từ một tế bào vi khuẩn đã phân chia tạo ra tất cả 32 tế bào mới. Hãy cho biết thời gian cần thiết cho một thế hệ của tế bào trên là bao nhiêu?

A. 2 giờ

B. 60 phút

C. 40 phút

D. 20 phút

Câu 15: Có một pha trong quá trình nuôi cấy không liên tục mà ở đó, số lượng vi khuẩn tăng lên rất nhanh. Pha đó là

A. pha tiềm phát.

B. pha lũy thừa.

C. pha cân bằng.

D. pha suy vong.

Câu 16: Hình thức sinh sản phổ biến ở vi khuẩn là

A. phân đôi.

B. nảy chồi.

C. bào tử.

D. Sinh sản hữu tính bằng cách tiếp hợp.

Câu 17: Chọn đáp án **đúng** về hình thức sinh sản của vi sinh vật nhân sơ.

A. Phân đôi và bào tử trần.

B. Phân đôi và nảy chồi

C. Bào tử và nảy chồi..

D. Sinh sản hữu tính bằng cách tiếp hợp.

Câu 18: Hầu hết các vi sinh vật kí sinh trong cơ thể người và động vật bậc cao thuộc nhóm

A. vi sinh vật ưa ẩm.

B. vi sinh vật ưa lạnh.

C. vi sinh vật ưa siêu nhiệt.

D. vi sinh vật ưa nhiệt.

Câu 19: Để bảo quản các loại hạt (đậu, vừng, bắp,...) tránh sự xâm nhiễm của vi khuẩn và nấm, người ta thường phơi hạt thật khô và cất giữ nơi khô ráo, thoáng mát. Việc bảo quản này dựa vào yếu tố nào sau đây?

A. Độ pH.

B. Nhiệt độ.

C. Độ ẩm.

D. Ánh sáng.

Câu 20: Người ta dùng nước muối để sát khuẩn vì hàm lượng muối trong nước có thể gây ra hiện tượng gì?

A. Co nguyên sinh, tế bào mất nước, không phân chia được.

B. Trương nước, làm tế bào vi khuẩn vỡ ra và chết.

C. Đông đặc protein có trong tế bào vi khuẩn.

D. Màng lipid bị phá vỡ, tế bào vi khuẩn sẽ bị chết.

Câu 21: Thành tựu nào sau đây là ứng dụng của công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp?

A. Sản xuất kháng sinh.

B. Sản xuất rượu, bia.

C. Sản xuất nước tương.

D. Sản xuất phân bón.

Câu 22: Bón phân vi sinh vật thường xuyên thì

A. không gây hại cho đất.

B. đất bị thoái hóa.

C. đất bị bạc màu.

D. kết cấu đất kém bền.

Câu 23: Ví dụ về ứng dụng đặc điểm quá trình phân giải các chất của vi sinh vật là

A. sản xuất protein đơn bào.

B. sản xuất amino acid.

C. sản xuất nước mắm.

D. sản xuất các chất xúc tác sinh học.

Câu 24: Ngành nghề nào sau đây có liên quan đến công nghệ vi sinh vật nhiều hơn các ngành nghề còn lại?

A. Giáo viên.

B. Bác sĩ.

C. Nhà dịch tễ học.

D. Dược sĩ.

Câu 25: Sử dụng công nghệ Nano Bioreactor nhằm mục đích

A. sản xuất mỹ phẩm bảo vệ da.

B. bảo quản giống vi sinh vật.

C. xử lý nước thải.

D. tạo giống vi sinh vật mới.

Câu 26: Đáp án nào sau đây **không** phải là ưu điểm của thuốc trừ sâu sinh học so với thuốc trừ sâu hóa học?

A. Cho hiệu quả diệt trừ sâu hại nhanh chóng.

B. An toàn với sức khỏe con người và môi trường.

C. Bảo vệ được sự cân bằng sinh học trong tự nhiên.

D. Sản xuất khá đơn giản và có chi phí thấp.

Câu 27: Cho các thành tựu sau đây:

(1) Sử dụng vi khuẩn *Corynebacterium glutamicum* để sản xuất mì chính (bột ngọt).

(2) Sử dụng nấm mốc *Aspergillus niger* để sản xuất nước tương.

(3) Sử dụng nấm *Penicillium chrysogenum* để sản xuất kháng sinh penicillin.

(4) Sử dụng vi khuẩn *Lactococcus lactis* để sản xuất phomat.

Trong các thành tựu trên, các thành tựu của công nghệ vi sinh trong công nghiệp thực phẩm là

A. (1), (2), (4).

B. (1), (2), (3).

C. (1), (3), (4).

D. (2), (3), (4).

Câu 28: Cho các thông tin sau:

(1) Là lĩnh vực quan trọng của công nghệ sinh học.

(2) Gây ô nhiễm môi trường, giá thành rẻ, hiệu quả tức thời.

(3) An toàn, thân thiện với môi trường, giá thành rẻ, hiệu quả lâu dài.

(4) Là công nghệ sử dụng vi sinh vật và dẫn xuất của nó để tạo ra sản phẩm phục vụ cho đời sống con người.

Những thông tin **đúng** về công nghệ vi sinh vật là

A. (1), (2), (3).

B. (1), (3), (4).

C. (1), (2), (4).

D. (2), (3), (4).

Câu 29: Cơ sở của việc ứng dụng công nghệ vi sinh vật là dựa trên những đặc điểm nào của vi sinh vật?

(1) Kích thước hiển vi;

(2) Thời gian sinh trưởng nhanh;

(3) Môi trường sống khá hạn chế;

(4) Có hình thức dinh dưỡng đa dạng;

(5) Khả năng trao đổi chất với môi trường kém.

Đáp án **đúng** là:

A. (1), (2), (4).

B. (1), (2), (3).

C. (2), (3), (4).

D. (1), (3), (5).

Câu 30: Đáp án nào sau đây **không** đúng khi nói về triển vọng của công nghệ vi sinh vật trong tương lai?

A. Sản xuất pin nhiên liệu vi sinh vật (microbial fuel cell) để làm chỉ thị đánh giá nhanh nước thải.

B. Sử dụng công nghệ vi sinh vật Microbiome trong sản xuất mỹ phẩm bảo vệ da.

C. Sử dụng công nghệ chuyển gene để sản xuất các chế phẩm sinh học.

D. Bảo quản giống vi sinh vật bằng công nghệ làm lạnh chậm.

Câu 31: Con người đã sử dụng vi sinh vật nào sau đây để tạo ra phần lớn thuốc kháng sinh?

A. Nấm men.

B. Tảo đơn bào.

C. Xạ khuẩn.

D. Vi khuẩn lactic.

Câu 32: Việc sản xuất các protein đơn bào là dựa vào khả năng nào sau đây của vi sinh vật?

A. Phân giải chất hữu cơ.

B. Làm vector chuyển gene.

C. Sinh trưởng trong môi trường khắc nghiệt.

D. Tổng hợp chất hữu cơ.

Câu 33: Khi sản xuất phomat (cheese), người ta dùng vi khuẩn lactic nhằm mục đích gì?

A. Để phân huỷ protein trong sữa thành các amino acid và làm cho sữa đông lại.

B. Để lên men đường lactose có trong sữa, tạo độ pH thấp làm đông tụ sữa.

C. Để thủy phân k-casein trong sữa và làm cho sữa đông lại.

D. Để tạo enzyme rennin, nhằm thủy phân sữa thành các thành phần dễ tiêu hoá.

Câu 34: Mục đích của việc ủ chua thức ăn cho vật nuôi là gì?

A. Phân huỷ cellulose trong thức ăn thành đường.

B. Tăng hàm lượng protein, lipid cho thức ăn.

C. Lên men lactic để thức ăn được bảo quản lâu hơn.

D. Tăng hệ vi sinh vật kháng khuẩn cho vật nuôi.

Câu 35: Mốc vàng hoa cau (*Aspergillus oryzae*) có vai trò gì trong sản xuất tương?

A. Tạo ra enzyme để thủy phân tinh bột và protein có trong đậu tương.

B. Lên men tạo vị chua cho tương.

C. Tạo độ pH thấp làm tương không bị thối.

D. Làm cho tương có màu vàng như màu của nấm mốc.

Câu 36: Chế phẩm *Bacillus thuringiensis* diệt côn trùng gây hại bằng cách nào?

A. Vi khuẩn *Bacillus thuringiensis* kí sinh và làm chết côn trùng.

B. Các chất độc do vi khuẩn *Bacillus thuringiensis* tạo ra có khả năng diệt côn trùng.

C. Vi khuẩn *Bacillus thuringiensis* ức chế quá trình sinh sản của côn trùng.

D. Các enzyme do vi khuẩn *Bacillus thuringiensis* tạo ra có khả năng phá vỡ màng tế bào của côn trùng.

Câu 37: Những phương pháp xử lý nước thải nào sau đây cần oxygen trong quá trình thực hiện?

- (1) Xử lý bằng bùn hoạt tính. (2) Xử lý bằng bể UASB.
(3) Xử lý bằng bể phản ứng theo mẻ. (4) Xử lý bằng đĩa quay sinh học.
(5) Xử lý lọc trên giá mang hữu cơ.

A. (1), (2), (4). B. (1), (3), (4).

C. (2), (3), (4). D. (2), (4), (5).

Câu 38: Để tăng lượng vi sinh vật có lợi trong đất trồng, người dân nên bón các loại phân nào sau đây?

- (1) Phân chuồng; (2) Phân xanh (từ thực vật); (4) Phân lân;
(5) Phân vi sinh; (3) Phân đạm; (6) Phân kali;

A. (1), (2), (4). B. (1), (2), (3).

C. (1), (2), (5). D. (2), (3), (6).

Câu 39: Để tăng lượng đạm cho đất, người dân nên trồng các loại cây nào sau đây?

- (1) Đậu xanh; (2) Lạc (đậu phộng); (3) Diên điển; (4) Cỏ lào;
(5) Bèo Nhật Bản; (6) Phi lao; (7) Vông nem; (8) Cây so đũa.

A. (1), (2), (4), (5), (6), (8). B. (1), (2), (3), (5), (7), (8).

C. (1), (2), (3), (5), (6), (7). D. (1), (2), (3), (6), (7), (8).

Câu 40: Có bao nhiêu ứng dụng sau đây là ứng dụng của vi sinh vật trong thực tiễn?

- (1) Xử lý rác thải. (2) Tổng hợp chất kháng sinh.
(3) Lên men sữa chua. (4) Tạo ra máy đo đường huyết.
(5) Lên men rượu. (6) Sản xuất thuốc trừ sâu sinh học.

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 41: Virus có cấu tạo rất đơn giản chỉ gồm phần lõi là ...(1)... và lớp vỏ là ...(2)....

Từ cần điền vào (1) và (2) là:

A. (1) RNA; (2) protein. B. (1) DNA; (2) glycoprotein.

C. (1) DNA/RNA; (2) glycoprotein. D. (1) DNA/RNA; (2) protein.

Câu 42: Đơn vị cấu tạo nên vỏ capsid của virus là

- A. capsomer. B. capasi.
C. captomor. D. captoreal.

Câu 43: Virus nào sau đây thuộc loại virus có cấu trúc xoắn?

A. Adenovirus. B. Phage. C. Virus khảm thuốc lá. D. HIV.

Câu 44: Virus nào sau đây thuộc loại virus có cấu trúc khối?

A. Adenovirus. B. Phage C. Virus khảm thuốc lá. D. HIV.

Câu 45: Virus nào sau đây thuộc loại virus có cấu trúc hỗn hợp?

A. Adenovirus. B. Phage. C. Virus khảm thuốc lá. D. HIV.

Câu 46: Virus nào sau đây được phát hiện đầu tiên?

- A. Virus gây bệnh viêm gan B. B. Virus gây bệnh dại.
C. Virus gây bệnh khảm thuốc lá. D. Virus gây bệnh sởi.

Câu 47: Vì sao mỗi loại virus chỉ xâm nhập vào một số tế bào vật chủ nhất định?

- A. Vì bề mặt của tế bào vật chủ được bảo vệ bởi một lớp protein chống lại sự xâm nhập của virus.
B. Vì bề mặt của virus có lớp vỏ ngoài hoặc vỏ capsid tương thích với các thụ thể của tế bào vật chủ.
C. Vì virus chỉ xâm nhập được vào tế bào vật chủ khi có sự khớp đặc hiệu giữa phân tử bề mặt của virus và thụ thể bề mặt tế bào.
D. Vì virus chỉ xâm nhập được vào tế bào vật chủ khi có sự khớp đặc hiệu giữa thụ thể của virus và phân tử bề mặt tế bào.

Câu 48: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về sự phóng thích của virus có vỏ ngoài ra khỏi tế bào vật chủ.

- A. Tổng hợp các đoạn màng có gắn glycoprotein và hợp với màng sinh chất.
B. Tổ hợp vỏ capsid, hệ gene đi ra ngoài theo kiểu xuất bào.
C. Tiết enzyme làm tan màng tế bào và chui ra ngoài.
D. Kéo theo màng sinh chất của tế bào chủ và tạo thành vỏ ngoài của virus.

Câu 49: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về sự khác nhau giữa chu trình tan và chu trình tiềm tan?

- A. Chu trình tan có sự nhân lên tạo ra vô số virus mới còn chu trình tiềm tan không tạo ra các virus mới.
B. Chu trình tan cho phép hệ gene của virus tồn tại và nhân lên trong tế bào vật chủ, còn chu trình tiềm

tan thì hệ gene không có khả năng nhân lên trong tế bào vật chủ.

C. Chu trình tan kết thúc bằng việc virus gây chết tế bào vật chủ, còn chu trình tiềm tan hệ gene của virus sống chung và không phá vỡ tế bào vật chủ.

D. Chu trình tiềm tan có thể tạo ra quần thể tế bào bị nhiễm virus, còn chu trình tan làm chết tế bào vật chủ.

Câu 50: Trong ứng dụng virus sản xuất chế phẩm sinh học, người ta nuôi sinh vật nào để thu sinh khối?

A. Vi khuẩn. B. Virus. C. Cả vi khuẩn và virus. D. Tế bào người.

Câu 51: Trong quy trình sản xuất thuốc trừ sâu từ virus, môi trường để nuôi virus là

A. cơ thể sâu hại. B. môi trường nuôi cấy không liên tục.

C. cơ thể thực vật. D. môi trường nuôi cấy liên tục.

Câu 52: Chế phẩm sinh học nào sau đây được sản xuất nhờ virus?

A. Đệm lót sinh học.

B. Bio-EM.

C. Thuốc trừ sâu Bt.

D. Insulin.

Câu 53: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của interferon trong việc giúp cơ thể chống lại virus?

A. Interferon có tính đặc hiệu với từng loại virus nhất định.

B. Interferon có khả năng kích thích cơ thể sản xuất ra kháng thể chống lại virus.

C. Interferon kích thích cơ thể tạo ra chất chống virus.

D. Interferon có vai trò như kháng thể, có khả năng chống lại virus.

Câu 54: Thuốc trừ sâu từ virus được sản xuất dựa trên cơ sở nào?

A. Một số loại virus mang gene kháng vi nấm gây bệnh cho cây trồng.

B. Một số loại virus làm vector chuyển gene kháng bệnh cho cây trồng.

C. Một số loại virus có khả năng tạo ra chất để tiêu diệt sâu hại cây trồng.

D. Một số loại virus có khả năng xâm nhập và gây bệnh cho sâu hại cây trồng.

Câu 55: Dựa vào đặc điểm nào mà virus được dùng làm vector chuyển gene tạo giống cây trồng?

A. Virus có khả năng tự đưa nucleic acid mang theo gene cần chuyển vào trong tế bào vật chủ (giống cây trồng).

B. Virus có khả năng điều khiển quá trình tái bản của hệ gene vật chủ (giống cây trồng)

C. Nucleic acid của virus có chứa các gene có lợi cho cây trồng và có thể chuyển chúng vào cây trồng.

D. Virus có khả năng chống chịu với các điều kiện bất lợi của môi trường.

Câu 56: Dựa vào tính chất nào mà phage được dùng để làm vector trong sản xuất chế phẩm sinh học bằng công nghệ tái tổ hợp?

A. Một số phage, chứa các đoạn gene không thật sự quan trọng, nếu cắt bỏ và thay bởi một đoạn gene khác thì quá trình nhân lên của chúng không bị ảnh hưởng.

B. Phage có hệ gene là các phân tử RNA, có thể vận chuyển bất cứ gene nào vào tế bào vi khuẩn và luôn có khả năng nhân lên rất nhanh.

C. Một số phage chứa các DNA dạng vòng có thể mang gene mong muốn vào tế bào vi khuẩn và có khả năng nhân lên rất nhanh.

D. Phage có hệ gene là các phân tử DNA đủ dài để có thể vận chuyển các gene mong muốn vào tế bào vi khuẩn mà không ảnh hưởng đến khả năng nhân lên của nó trong tế bào vật chủ.

Câu 57: Hãy sắp xếp các bước của quy trình sản xuất chế phẩm sinh học bằng công nghệ tái tổ hợp sử dụng vector từ virus sao cho phù hợp.

(1) Tạo vector virus tái tổ hợp.

(2) Tiến hành nuôi vi khuẩn để thu sinh khối.

(3) Biến nạp gene mong muốn vào cơ thể vi khuẩn.

(4) Tách chiết sinh khối để thu chế phẩm.

A. (1), (2), (3), (4).

B. (1), (2), (4), (3).

C. (1), (3), (2), (4).

D. (1), (3), (4), (2).

Câu 58: Hãy sắp xếp thứ tự các bước sản xuất thuốc trừ sâu từ virus sao cho hợp lí.

(1) Nuôi sâu giống và nuôi sâu hàng loạt.

(2) Thu thập sâu bệnh khi sâu bị chết.

(3) Nhiễm virus gây bệnh cho sâu ở độ tuổi 3-4.

(4) Thêm chất phụ gia và sấy khô.

(5) Nghiền và lọc li tâm.

(6) Kiểm tra chất lượng và đóng gói sản phẩm.

A. (1), (2), (3), (4), (5), (6).

B. (1), (2), (4), (3), (5), (6).

C. (1), (3), (2), (5), (4), (6).

D. (1), (3), (4), (2), (5), (6).

Câu 59: Vai trò của vaccin trong cơ thể là

A. tăng cường hệ miễn dịch đặc hiệu.

B. diệt virus đặc hiệu.

C. kháng sinh chuyên biệt.

D. diệt khuẩn đặc hiệu.

Câu 60: Virus viêm gan A, B, C lây chủ yếu qua đường nào?

A. Hô hấp.

B. Tiêu hóa.

C. Tiếp xúc trực tiếp.

D. Từ mẹ sang con.

Câu 61: Thông tin **không đúng** khi nói về con đường lây lan virus bằng phương thức truyền dọc đối với người và động vật là

A. qua nhau thai.

B. nhiễm qua sinh nở.

C. qua sữa mẹ.

D. qua nước bọt.

Câu 62: Thành tựu về ứng dụng virus trong sản xuất chế phẩm sinh học là

A. penicillin.

B. interferon.

C. albumin.

D. catecholamin.

Câu 63: Một người bị nhiễm SARS-CoV-2 hắt hơi làm các giọt tiết bắn ra và lây lan sang những người xung quanh khi họ hít phải. Đây là kiểu lây lan qua con đường nào?

A. Đường tiêu hoá.

B. Đường hô hấp.

C. Đường bài tiết.

D. Đường tình dục.

Câu 64: Một người bị chó dại cắn, virus dại sẽ theo vết cắn đi vào cơ thể bằng con đường nào?

A. Đường hô hấp.

B. Đường tiêu hoá.

C. Đường tình dục.

D. Đường máu.

Câu 65: Phương thức lây truyền nào sau đây được gọi là truyền ngang ở virus?

A. Truyền từ tế bào này sang tế bào khác trong cơ thể đa bào.

B. Truyền từ mô này sang mô khác trong cơ thể đa bào.

C. Truyền từ cơ thể này sang cơ thể khác.

D. Truyền từ mẹ sang con.

Câu 66: Vì sao virus chỉ lây nhiễm từ cây này sang cây khác khi cơ thể bị thương do dụng cụ lao động hay vết cắn của côn trùng?

A. Do tế bào thực vật có vách cellulose dày, virus không thể tự xâm nhập được.

B. Do tế bào thực vật không có các thụ thể phù hợp với các phân tử bề mặt của virus.

C. Do virus không bám vào được bề mặt tế bào thực vật.

D. Do virus bị ức chế bởi các chất trên vách cellulose của tế bào thực vật.

Câu 67: Vì sao các virus RNA có nhiều biến thể hơn so với các virus DNA?

A. Virus RNA không có khả năng tự sửa chữa như ở virus DNA, nên có tỉ lệ đột biến cao hơn.

B. Virus RNA chứa hệ gene nhỏ nên dễ xảy ra đột biến hơn virus DNA.

C. Virus RNA có khả năng biến đổi hình thái dễ dàng hơn do chúng có lớp vỏ ngoài.

D. Virus RNA có thể điều khiển hệ gene của vật chủ để làm biến đổi gai glycoprotein.

Câu 68: Để phòng chống virus lây truyền từ mẹ sang con, trước khi mang thai, người mẹ cần thực hiện các biện pháp nào sau đây?

(1) Ăn uống đủ chất.

(2) Xét nghiệm các bệnh do virus gây ra.

(3) Chữa khỏi bệnh do virus gây ra (nếu có).

(4) Bổ sung thuốc chứa sắt (iron), calcium.

(5) Tiêm vaccine phòng các bệnh do virus gây ra.

A. (1), (2), (5).

B. (1), (2), (4).

C. (2), (3), (5).

D. (1), (3), (4).

III. TỰ LUẬN:

Câu 1: Trong ủ tương và làm nước mắm, người ta có sử dụng cùng một loại vi sinh vật không? Vì sao?

Câu 2: Vì sao cần hạn chế bỏ chất rắn vào bể sinh học?

Câu 3: Giải thích vì sao có thể dùng kháng sinh để diệt vi khuẩn nhưng không thể dùng kháng sinh để tiêu diệt virus?

Câu 4: Khi sử dụng vector virus để chuyển gene cần chú ý điều gì?

Câu 5: Hãy nêu một số lí do để thuyết phục người nông dân nên dùng thuốc trừ sâu sinh học trong trồng trọt.

Câu 6: Từ những con đường truyền bệnh, bạn hãy đề xuất một số biện pháp phòng, chống bệnh do virus gây ra ở người.